

UBND QUẬN GÒ VẤP TRƯỜNG THCS AN NHƠN ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề gồm có 07 trang)	ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022 - MÔN TOÁN - LỚP 8 Ngày kiểm tra: Thứ Sáu, ngày 21/01/2022 Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề) (Học sinh làm bài trên Phiếu trả lời trắc nghiệm Toán 8)
--	--

MÃ ĐỀ BÀI T803

Câu 1. Phân tích đa thức $x^3 - 6x^2 + 12x - 8$ thành nhân tử được kết quả là:

- A. $(x + 2)^3$ B. $(x-2)^3$ C. $x^3 + 2^3$ D. $x^3 - 2^3$

Câu 2. Phân tích đa thức $2x(x - 5) + 5(x - 5)$ thành nhân tử được kết quả là:

- A. $(x-5)(2x + 5)$ B. $(x+5)(2x - 5)$ C. $(x-5)(2x - 5)$ D. $(x+5)(2x + 5)$

Câu 3. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống: “Đường trung bình của tam giác là

- A. Đoạn thẳng song song với một cạnh của tam giác.
B. Đoạn thẳng nối từ đỉnh của tam giác đến trung điểm của cạnh đối diện.
C. Đoạn thẳng nối trung điểm hai cạnh của tam giác.
D. Đoạn thẳng có độ dài bằng nửa độ dài một cạnh của tam giác.

Câu 4. Kết quả của phép tính $\frac{5x}{5x-3} - \frac{3}{5x-3}$ bằng:

- A. -1 B. $\frac{2x}{5x-3}$ C. $\frac{2}{5x-3}$ D. 1

Câu 5. Điền vào chỗ trống (.....).

“Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là

- A. Hình thang cân. B. Hình chữ nhật. C. Hình vuông. D. Hình thoi.

Câu 6. Khẳng định nào sau đây ĐÚNG.

- A. Tứ giác có bốn cạnh bằng nhau là hình vuông.
B. Tứ giác có bốn góc bằng nhau là hình vuông.
C. Hình vuông là tứ giác có bốn góc vuông và bốn cạnh bằng nhau.
D. Tứ giác có hai đường chéo bằng nhau là hình vuông.

Câu 7. Chọn câu SAI.

- A. $A^2 - B^2 = (A - B)^2$ B. $(A + B)^2 = A^2 + 2AB + B^2$
C. $A^2 - B^2 = (A - B)(A + B)$ D. $(A - B)^2 = A^2 - 2AB + B^2$

Câu 8. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ (.....). “Hình thang cân là hình thang có.....”

- A. hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.
B. hai góc đối bằng nhau.
C. hai góc kề một đáy bằng nhau.
D. hai đường chéo vuông góc với nhau.

Câu 9. Phân tích đa thức $3x^3 + 15x$ thành nhân tử được kết quả là:

- A. $3x(x + 5)$ B. $x(3x^2 + 15)$ C. $3(x^3 + 5x)$ D. $3x(x^2 + 5)$

Câu 10. Kết quả của phép chia $18x^3y^4z^2 : 6x^2y^4z$ là:

- A. $3xy$ B. $3xyz$ C. $3xz$ D. $3x^2y^2z$

Câu 11. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

“Trong tam giác vuông, đường trung tuyến ứng với cạnh huyền bằng”

- A. Cạnh huyền. B. Nửa cạnh góc vuông.
C. Hai lần cạnh huyền. D. Nửa cạnh huyền.

Câu 12. Kết quả của phép tính nhân : $3x(x-2)$ là:

- A. $3x^2 - 5$ B. $3x - 6$ C. $3x^2 - 2x$ D. $3x^2 - 6x$

Câu 13. Tứ giác nào sau đây có hai đường chéo bằng nhau?

- A. Hình thoi B. Hình bình hành C. Hình thang vuông D. Hình chữ nhật

Câu 14. Rút gọn phân thức $\frac{3(x-3)}{9(x-3)^3}$ có kết quả là:

- A. $\frac{1}{3(x-3)}$ B. $\frac{x-3}{3(x-3)^3}$ C. $\frac{1}{3(x-3)^2}$ D. $\frac{3}{9(x-3)^2}$

Câu 15. Kết quả của phép tính $\frac{2x}{2x-3} + \frac{3}{2x-3}$ bằng:

- A. $\frac{2x+3}{2x-3}$ B. -1 C. 1 D. $\frac{5x}{2x-3}$

Câu 16. Điền vào chỗ trống đơn thức còn thiếu $(x+4)^2 = x^2 + + 16$

- A. $4x$ B. $2x$ C. x D. $8x$

Câu 17. “Quy đồng mẫu thức nhiều phân thức là biến đổi các phân thức đã cho thành những phân thức mới có cùng và lần lượt bằng các phân thức đã cho.”. Cụm từ thích hợp điền vào chỗ (.....) là:

- A. Mẫu thức. B. Nhân tử phụ. C. Hệ số. D. Phần biến.

Câu 18. Khẳng định nào sau đây SAI.

- A. Trong hình bình hành các cạnh đối bằng nhau.
B. Trong hình bình hành hai đường chéo bằng nhau.
C. Trong hình bình hành các góc đối bằng nhau.
D. Trong hình bình hành, hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

Câu 19. Điền vào chỗ (.....). “Tổng các góc của một tứ giác bằng”

- A. 300° B. 180° C. 360° D. 270°

Câu 20. Trong các hình sau, hình nào là đa giác đều:

- A. Hình vuông B. Hình thoi C. Hình thang cân D. Hình chữ nhật

Câu 21. Mẫu thức chung của hai phân thức $\frac{1}{3(x+2)}$ và $\frac{7}{5(x-3)}$ là:

- A. $8(x+2)(x-3)$ B. $8x-9$ C. $15(2x-1)$ D. $15(x+2)(x-3)$

Câu 22. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống: “Hình bình hành có là hình chữ nhật.”

- A. Có hai đường chéo vuông góc với nhau.
B. Một góc vuông.
C. Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.
D. Hai cạnh đối song song và bằng nhau.

Câu 23. Điền cặp từ thích hợp vào chỗ trống (.....): “Đường trung bình của hình thang thì với hai đáy và tổng hai đáy.”

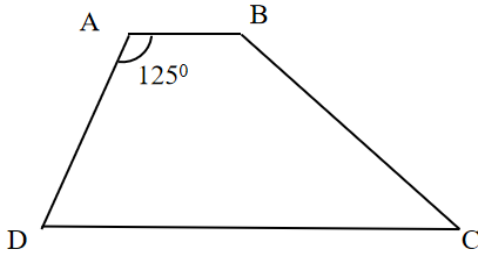
A. Vuông góc, bằng nửa.

B. Song song, bằng.

C. Vuông góc, bằng.

D. Song song, bằng nửa.

Câu 24. Cho hình thang ABCD ($AB \parallel CD$), biết $\widehat{DAB} = 125^\circ$, số đo $\widehat{ADC}$ bằng:



A. 75°

B. 55°

C. 125°

D. 65°

Câu 25. Khẳng định nào sau đây là SAI.

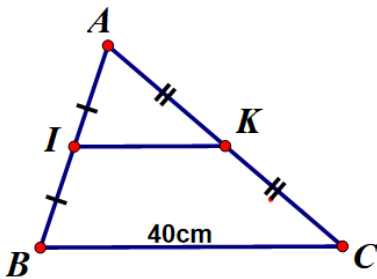
A. Trong hình thoi hai đường chéo bằng nhau.

B. Trong hình thoi hai đường chéo vuông góc với nhau.

C. Trong hình thoi hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

D. Trong hình thoi hai đường chéo là các tia phân giác của các góc của hình thoi.

Câu 26. Cho hình vẽ sau, biết độ dài BC bằng 40 cm, độ dài IK bằng



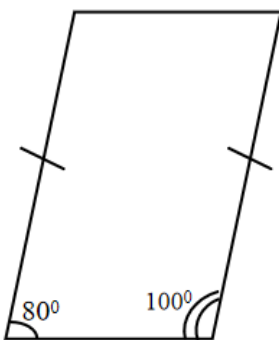
A. 80cm

B. 10cm

C. 40 cm

D. 20cm

Câu 27. Tứ giác (như hình vẽ) là hình bình hành dựa vào dấu hiệu nhận biết nào dưới đây?



A. Tứ giác có hai cạnh đối bằng nhau.

B. Tứ giác có hai cạnh đối vừa song song vừa bằng nhau.

C. Tứ giác có hai góc kề một đáy bù nhau.

D. Tứ giác có các cạnh đối song song.

Câu 28. Phân thức rút gọn của $\frac{3x-6}{x^3-8}$ là:

A. $\frac{3}{x^2-4x+4}$

B. $\frac{3}{x^2+4x+4}$

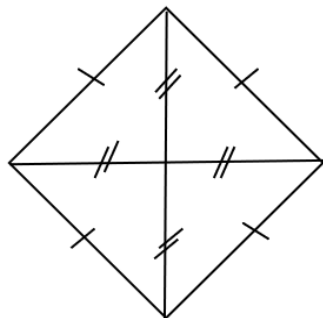
C. $\frac{3}{x^2+2x+4}$

D. $\frac{3}{x^2-2x+4}$

Câu 29. Mẫu thức chung của hai phân thức $\frac{1}{2x+6}$ và $\frac{7}{x^2-9}$ là:

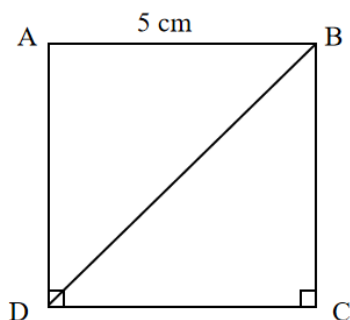
- A. $2(x+3)(x-3)$ B. $(x+3)(x^2-9)$ C. $2x(x^2-9)$ D. $2(x+3)(x-9)$

Câu 30. Tứ giác (như hình vẽ) là hình vuông dựa vào dấu hiệu nhận biết nào dưới đây?



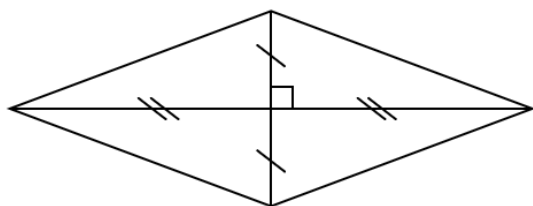
- A. Hình thoi có hai đường chéo vuông góc với nhau.
 B. Tứ giác có bốn cạnh bằng nhau.
 C. Tứ giác có hai đường chéo bằng nhau.
 D. Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau.

Câu 31. Cho hình vuông ABCD (như hình vẽ), biết độ dài cạnh hình vuông bằng 5 cm, độ dài đường chéo BD bằng:



- A. 10cm B. 25cm C. 20cm D. $\sqrt{50}$ cm

Câu 32. Tứ giác (như hình vẽ) là hình thoi dựa vào dấu hiệu nhận biết nào dưới đây?



- A. Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.
 B. Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau.
 C. Tứ giác có hai đường chéo vuông góc với nhau.
 D. Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau.

Câu 33. Phân tích đa thức sau thành nhân tử: $x^3 + 2x^2y + xy^2$

- A. $x^2(x+2y+y^2)$ B. $x(x-y)^2$ C. $x(x+y)^2$ D. $x^2(x+y)^2$

Câu 34. Tìm x, biết $2x^2 - 8x = 0$

- A. $x = 4$ B. $x = 0$ hay $x = 4$ C. $x = 0$ hay $x = -4$ D. $x = 0$

Câu 35. Chọn câu đúng:

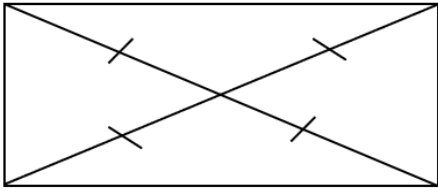
A. $(2a-1)^3 = 8a^3 - 12a^2 - 6a + 1$

B. $(2a-1)^3 = 8a^3 - 12a^2 + 6a - 1$

C. $(2a-1)^3 = 8a^3 - 12a^2 - 6a - 1$

D. $(2a-1)^3 = 8a^3 - 12a^2 + 6a + 1$

Câu 36. Tứ giác (như hình vẽ) là hình chữ nhật dựa vào dấu hiệu nhận biết nào dưới đây?



A. Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường

B. Hình bình hành có một góc vuông

C. Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau

D. Tứ giác có hai đường chéo bằng nhau

Câu 37. Kết quả của phép chia $(8x^3 - 1) : (2x - 1)$ là:

A. $2x^2 - 2x + 1$

B. $4x^2 + 2x + 1$

C. $4x^2 - 2x + 1$

D. $2x^2 + 2x + 1$

Câu 38. Kết quả của phép tính $\frac{5}{4xy^2} + \frac{3}{2x^3y}$ bằng:

A. $\frac{5+6y}{4x^3y^2}$

B. $\frac{8}{4x^3y^2}$

C. $\frac{5x^2+6y}{4x^3y^2}$

D. $\frac{5x+6y}{4x^3y^2}$

Câu 39. Giá trị của biểu thức $P = (2x - 3)(2x + 3) - 3x^2$ tại $x = 4$ là:

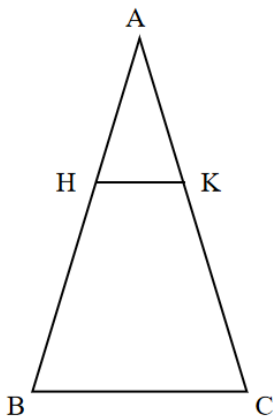
A. 16

B. 7

C. 9

D. 4

Câu 40. Cho tam giác ABC cân tại A. Gọi H, K theo thứ tự là điểm thuộc cạnh bên AB, AC sao cho $HK \parallel BC$. Với đầy đủ điều kiện trên, hãy chọn câu trả lời chính xác nhất.



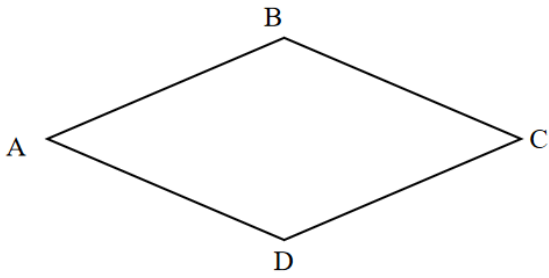
A. Tứ giác BCKH là hình thang cân.

B. Tứ giác BCKH là hình thoi.

C. Tứ giác BCKH là hình thang.

D. Tứ giác BCKH là hình bình hành.

Câu 41. Hình thoi ABCD cần thêm điều kiện nào để là hình vuông?



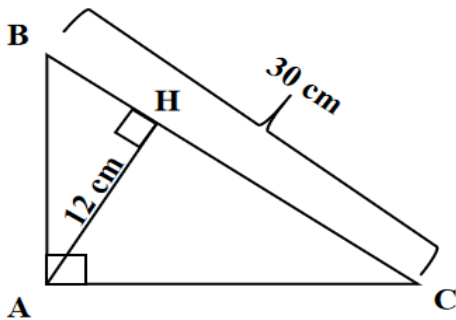
A. $AB = AD$

B. $\hat{A} = 90^\circ$

C. AC vuông góc với BD

D. AC là tia phân giác góc DAB

Câu 42. Cho hình vẽ, diện tích của tam giác ABC bằng:



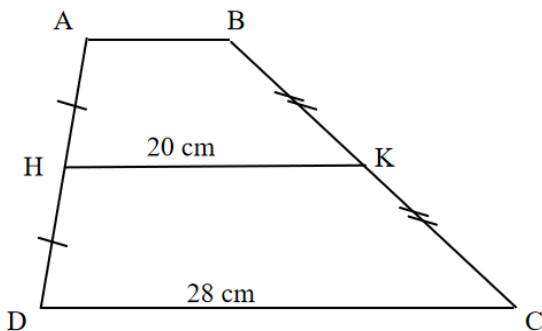
A. 180cm^2

B. 360cm^2

C. 200cm^2

D. 120cm^2

Câu 43. Cho hình thang ABCD ($AB \parallel CD$) như hình vẽ, biết độ dài HK bằng 20 cm, độ dài DC bằng 28 cm. Độ dài AB bằng:



A. 12 cm

B. 14 cm

C. 10 cm

D. 8 cm

Câu 44. Kết quả của phép tính $\frac{x}{x^2-4} + \frac{2}{x^2-4}$ bằng:

A. $\frac{2x}{x^2-4}$

B. $\frac{1}{x-2}$

C. $\frac{1}{x+2}$

D. $\frac{x+2}{x-2}$

Câu 45. Kết quả của phép tính $\frac{x-2}{x-y} + \frac{y-2}{y-x}$ bằng

A. -1

B. 1

C. $\frac{x+y-4}{x-y}$

D. $\frac{x+y}{x-y}$

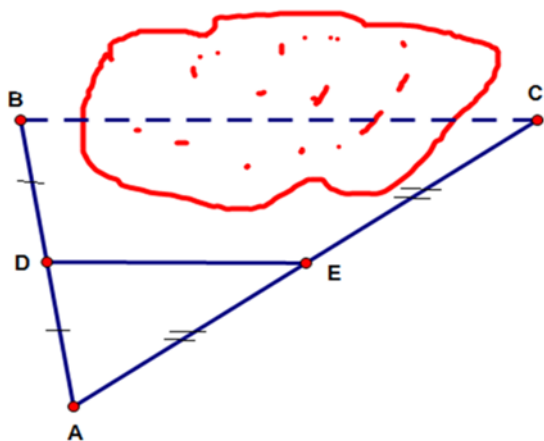
Câu 46. Một khinh khí cầu bay với vận tốc $(x+8)$ (km/h) được quãng đường là $(x^2 + 5x - 24)$ (km). Thời gian khinh khí cầu bay được là:

- A. $x - 8$ (h) B. $x - 3$ (h) C. $x + 3$ (h) D. $x + 8$ (h)

Câu 47. Một hình chữ nhật có hai kích thước lần lượt là $(x - 3)$ (m) và $(x + 3)$ (m), ($x > 3$). Biết diện tích của hình chữ nhật là 16 (m^2). Giá trị của x là:

- A. 5 B. -5 C. 5 và -5 D. 25

Câu 48. Giữa hai điểm B và C có chướng ngại vật. Biết D, E lần lượt là trung điểm của AB và AC (xem hình vẽ). Bạn An đi từ D đến E với vận tốc 80 m/phút trong thời gian 2 phút. Hỏi hai điểm B và C cách nhau bao nhiêu mét?

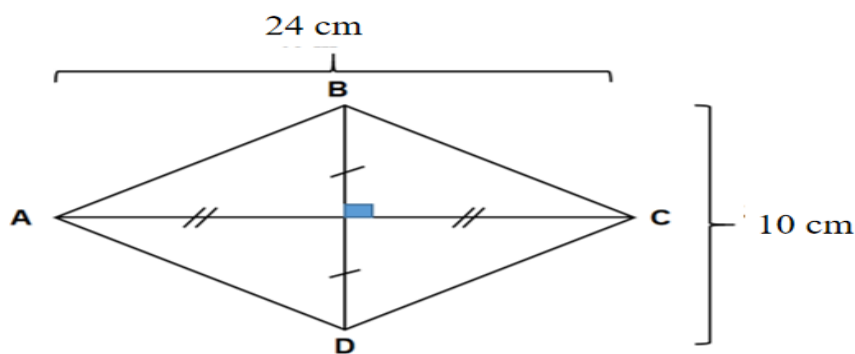


- A. 160m B. 80m C. 320m D. 40m

Câu 49. Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng là x (m), ($x > 0$), chiều dài hơn chiều rộng 12m. Biểu thức tính diện tích của khu vườn hình chữ nhật theo x là:

- A. $12x^2$ (m^2) B. $x^2 - 12x$ (m^2) C. $x^2 + 12x$ (m^2) D. $12x$ (m^2)

Câu 50. Một viên gạch men có dạng hình thoi (như hình vẽ), biết độ dài hai đường chéo AC bằng 24cm và BD bằng 10cm. Độ dài cạnh của viên gạch men hình thoi bằng:



- A. 13 cm. B. 26 cm. C. 17 cm. D. 34 cm.

----- HẾT -----